

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày: 12-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Võ Quốc Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: Bà Lâm Kiều Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HS, ngày 02/02/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H; sinh năm 1977 (không xác định được ngày, tháng sinh); tại C - Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (c) và bà Nguyễn Thị S1 (s); Anh chị em ruột có: 03 người, lớn nhất sinh năm 1955, nhỏ nhất là bị cáo; Vợ: Thạch Thị P và 01 người con sinh năm 2014; Tiền án; tiền sự: không, bị cáo là người có nhân thân tốt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/8/2023 cho đến nay (Bị cáo có mặt).

2. Nguyễn Trường G; sinh ngày 24/5/1994; tại C - Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (s) và bà Trần Thị N (s); Anh chị em ruột có: 03 người, lớn nhất nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2009; Vợ: Huỳnh Thị Hoài H1 và 01 người con sinh năm 2021; Tiền án; tiền sự: không, bị cáo là người có nhân thân

tốt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/11/2023 cho đến nay (Bị cáo có mặt).

- Các bị hại:

1. Anh Lê Hồng M, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

1. Chị Trương Thị K1, sinh năm 1987; (vắng mặt).

Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Lâm Văn H2, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Anh Trần Trung T1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;

4. Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 02/4/2023, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô wave màu xanh, biển kiểm soát 52K9-8805 từ nhà đến tiệm hàn tiện của Nguyễn Văn T chuyên sửa mô tô điện thuộc ấp A, xã A, huyện C. Khi đến tiệm của T khoảng 01 giờ 30 phút, H nhìn thấy cái mô tô bơm chìm, loại 02 ngựa, vỏ ngoài bằng Inox để trước cửa tiệm cặp lộ đal. H liền dừng xe lấy mô tô để lên yên xe chở đến gần nhà của Nguyễn Trường G làm nghề mua phế liệu để cất giấu. đến khoảng 07 giờ cùng ngày H lấy mô tô điện trộm được bán cho G với giá phế liệu là 170.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 17/KL.HĐĐGTTHS ngày 26/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 mô tô điện (loại bơm chìm), có hình trụ tròn, vỏ ngoài bằng kim loại màu trắng chất liệu Inox, công suất 2HP có giá trị tại thời điểm định giá là 3.830.000 đồng.

Qua làm việc Nguyễn Văn H đã khai nhận ngoài lần phạm tội này H còn thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn xã A, huyện C cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 00 giờ 05 phút ngày 18/3/2023, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 52K9-8805 từ nhà đến

khu vực bờ dứa tiếp giáp đất trồng rau của anh Lê Hồng M cùng thuộc ấp A, xã A, huyện C. H nhìn thấy cái mô tơ điện, loại 1,5 ngựa (1,5HP), vỏ ngoài bằng nhôm để trên bờ dứa. H liền dùng tay dỡ cái thùng xốp, bứt dây điện lấy mô tơ để lên yên xe chở đến gần nhà của Nguyễn Trường G cất giấu. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày H lấy mô tơ điện trộm được bán cho G với giá là 600.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 27/KL.HĐĐGTTHS ngày 02/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 mô tơ điện công suất 1,5HP nhãn hiệu Tân Hoàng Cầu (đã qua sử dụng) có giá trị tại thời điểm định giá là 2.260.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 00 giờ 05 phút, ngày 22/3/2023 Nguyễn Văn H vẫn điều khiển xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 52 K9-8805 từ nhà thuộc ấp A, xã A, huyện C đến nhà chị Trương Thị K1 (nhà đang xây) thuộc ấp A, xã A 3 và nhìn thấy cái mô tơ điện, loại 02 ngựa (02HP), vỏ ngoài bằng sắt. H liền dùng tay dỡ cái thùng xốp, bứt dây điện lấy mô tơ để lên yên xe chở đến gần nhà của Nguyễn Trường G cất giấu. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày H lấy mô tơ điện trộm được bán cho G với giá là 700.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 19/KL.HĐĐGTTHS ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 mô tơ điện công suất 02HP nhãn hiệu Tân Hoàng Cầu (đã qua sử dụng) có giá trị tại thời điểm định giá là 1.400.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ ngày 31/3/2023 Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 52 K9-8805 từ nhà đến khu vực ao nuôi tôm của anh Trần Trung T1 thuộc ấp A, xã A, huyện C. Lúc này, H đậu xe ngoài lộ và đi bộ vào ao lấy 01 dàn sắt xi bằng sắt gắn liền với mô tơ điện loại 01 ngựa (01HP) và giảm tốc, vác để lên yên xe chở đến cách nhà của G khoảng 15m cất giấu. Sau đó, H đem đến bán cho G theo giá phé liệu là 336.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 39/KL.HĐĐGTTHS ngày 14/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: Tổng giá trị tài sản tại thời điểm định giá có giá trị là 1.740.000 đồng.

- Vụ thứ tư: Vào khoảng 00 giờ 05 phút, ngày 01/4/2023 Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 52 K9-8805 từ nhà thuộc ấp A, xã A, huyện C đến khu vực đất trồng mai của ông Lâm Văn H2 thuộc ấp A, xã A 3 và nhìn thấy cái mô tơ điện, loại 01 ngựa (01HP), để trong hộc xây bằng gạch có đậy tấm ván ngang. H liền dùng tay dỡ tấm ván, bứt dây điện lấy mô tơ để lên yên xe chở đến gần nhà của Nguyễn Trường G cất giấu. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày H lấy mô tơ điện trộm được bán cho G với giá là 400.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 18/KL.HĐĐGTTHS ngày 08/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 mô tơ điện công suất 01HP nhãn hiệu Tân Hoàng Cầu (đã qua sử dụng) có giá trị tại thời điểm định giá là 1.060.000 đồng.

Sau khi tiếp nhận tin tố giác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành điều tra, xác minh làm rõ và chứng minh được chính Nguyễn Văn H là người trực tiếp lấy trộm tài sản của anh Lê Hồng M; bà Trương Thị K1, anh Trần Trung T1; ông Lâm Văn H2 và anh Nguyễn Văn T. Tất cả những tài sản trộm được nêu trên Nguyễn Văn H đều bán cho Nguyễn Trường G. Khi mua G biết rõ những loại tài sản này đều do H trộm cắp được nhưng vì mục đích lợi nhuận nên G đã đồng ý tiêu thụ tài sản do H phạm tội mà có.

Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn H và Nguyễn Trường G để điều tra làm rõ vụ án; trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do các bị cáo đã gây ra.

Đối với hành vi trộm 01 cái mô tơ điện công suất 02 ngựa (02HP) của chị Trương Thị K1; 01 dàn sắt xi bằng sắt gắn liền với mô tơ điện, công suất 01 (01HP) và giảm tốc của anh Trần Trung T1 và 01 mô tơ điện, công suất 01 ngựa (01HP) của ông Lâm Văn H2 do chưa đủ định lượng nên chưa hội đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi lén lút lấy trộm 01 cái mô tơ bơm chìm, loại 02 ngựa (02HP), vỏ ngoài bằng Inox của anh Nguyễn Văn T; 01 cái mô tơ điện, loại 1,5 ngựa (1,5HP), vỏ ngoài bằng nhôm của anh Lê Hồng M. Theo kết luận định giá tài sản đã xác định được tổng giá trị bị cáo đã chiếm đoạt là 6.090.000 đồng và Nguyễn Trường G cũng khai nhận cả 02 lần tài sản trộm được nêu trên H đều đem bán cho G.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS-CLD, ngày 03/01/2024 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung để xét xử bị cáo: Nguyễn Văn H, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Trường G, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017(sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự 2015).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng số 01/CT-VKS-CLD, ngày 03/01/2024. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn H từ 12 đến 18 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo: Nguyễn Trường G từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo G đã tự thoả thuận bồi thường xong cho ông Đỗ Văn Đ và ông Đ không yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét giải quyết. Riêng đối với dàn sắt xi bằng sắt gắn liền với mô tơ điện và giảm tốc của anh Trần Trung T1; cái mô tơ điện của anh Lê Hồng M không thu hồi được nên

buộc bị cáo H phải bồi thường bằng giá trị. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Trường G còn yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền 2.206.000 đồng mà G đã bồi thường cho ông Đ

Về xử lý vật chứng: Tại cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho các bị hại là chủ sở hữu hợp pháp số tài sản bị mất của chị Trương Thị K1; ông Lâm Văn H2 và anh Nguyễn Văn T nên không đặt ra xét lại.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc xe mô tô, loại xe Wave nhãn hiệu HANMUN, biển số 52K9-8850, màu xanh (đã qua sử dụng), do bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Tại Cơ quan điều tra; các bị hại Lê Hồng M và Nguyễn Văn T trình bày:

Các bị hại có bị mất trộm tài sản đúng như lời nhận tội của bị cáo H. Do bị hại Nguyễn Văn T đã nhận lại đủ các loại tài sản bị mất trộm nên không có yêu cầu bị cáo H phải bồi thường. Riêng bị hại Lê Hồng M yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường giá trị tài sản bị mất là: 2.260.000 đồng; Trần Trung T1 yêu cầu bị cáo H bồi thường là: 1.740.000 đồng và bị cáo Nguyễn Trường G yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền là: 2.206.000 đồng do G phải bỏ ra bồi thường trước cho Đỗ Văn Đ.

Các bị cáo nói lời sau cùng đều thống nhất với nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đồng thời, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để được sớm trở về giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại xuất trình chứng cứ phù hợp với quy định pháp luật; bị cáo, bị hại không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về hành vi quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng minh và chứng cứ: Xét thấy, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 98, 101, 102, 104, 105, 108 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo đều đề nghị xét

xử vắng mặt những người nêu trên. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

[4] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Trường G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu hồi vật chứng, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, lời khai của các bị hại cũng như các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở kết luận vào các ngày 02/4/2023 và 18/3/2023 bị cáo H đã lợi dụng sự sơ hở của các bị hại Nguyễn Văn T và Lê Hồng M trong việc quản lý tài sản, đã lén lút chiếm đoạt 01 cái mô tơ bơm chìm loại 02 ngựa và 01 mô tơ điện 1,5 ngựa nhãn hiệu Tân Hoàng Cầu với giá trị tổng cộng là 6.090.000 đồng (trong đó cả 02 lần đều trên 2.000.000 đồng). Nên bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Trường G thừa nhận đã biết rõ nguồn gốc số mô tơ nêu trên là do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua để hưởng lợi cá nhân nên phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì tham lam, lười lao động nên bị cáo H đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người quản lý tài sản để thực hiện hành vi lén lút trộm cắp và bị cáo G là người tiêu thụ tài sản. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội ở địa phương, tạo ra sự hoang mang, lo sợ làm cho nhân dân không an tâm lao động sản xuất. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng để làm gương cho người khác và phòng ngừa chung cho xã hội.

Để cụ thể hoá hình phạt, cần xem xét đánh giá hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

[6] Đối với bị cáo Nguyễn Văn H là người chủ động trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp, chiếm đoạt tài sản là 02 cái mô tơ của các bị hại đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Rõ ràng bị cáo đã xem thường pháp luật nên cần có mức án nghiêm để phòng ngừa tội phạm chung.

[6.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H liên tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần, trong đó có 02 lần giá trị tài sản bị chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Đối với các bị cáo Nguyễn Trường G cũng chỉ vì tham lam háms lợi nên mặc dù đã biết rõ số mô tơ của H đem bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn cố tình vi phạm pháp luật nhằm hưởng lợi bất chính. Do đó, cũng cần phải có một mức án nghiêm để tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo.

[7.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo liên tiếp thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản đã biết rõ là do trộm cắp mà có nhiều lần, trong đó có 02 lần giá trị tài sản bị chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7.2] Tuy nhiên, xét về nhân thân bị cáo G chỉ là người lao động nghèo trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; sau khi phạm tội đã thật thà khai báo; tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó và tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả. Nên cần áp dụng điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ cho bị cáo là đúng qui định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lâm Văn H2; Trương Thị K1 và Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

Riêng đối với anh Lê Hồng M yêu cầu bị cáo H phải bồi thường tài sản bị thiệt hại là: 2.260.000 đồng; anh Trần Trung T1 yêu cầu bị cáo H phải bồi thường tài sản bị thiệt hại là: 1.740.000 đồng và Nguyễn Trường G yêu cầu bị cáo H phải bồi thường tài sản bị thiệt hại là: 2.206.000đồng. Bị cáo Nguyễn Văn H thống nhất bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của những người nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho các bị hại Khỏe; H2 và T các loại tài sản bị mất là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên không đặt ra xét lại.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc xe mô tô, loại xe Wave nhãn hiệu HANMUN, biển số 52K9-8850, màu xanh (đã qua sử dụng), do bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

[10] Đối với Đỗ Văn Đ tuy có mua mô tơ điện do Nguyễn Trường G đem đến bán nhưng không biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát không khởi tố, truy tố là đúng quy định pháp luật.

[11] Tại phiên tòa xét thấy lời đề nghị của vị Kiểm sát viên là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Trường G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H, phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo Nguyễn Trường G, phạm tội “*Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Nguyễn Văn H.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 đối với bị cáo Nguyễn Trường G.

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H: 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện hoặc bắt thi hành án.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường G: 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện hoặc bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 357, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo: Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Hồng M số tiền là: 2.260.000 đồng; anh Trần Trung T1 số tiền là: 1.740.000 đồng và Nguyễn Trường G số tiền là: 2.206.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Lê Hồng M; Trần Trung T1 và Nguyễn Trường G có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo Nguyễn Văn H còn phải trả lãi cho các đương sự theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc xe mô tô, loại xe Wave nhãn hiệu HANMUN, biển số 52K9-8850, màu xanh (đã qua sử dụng), do bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu vật chứng, ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Trường G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng

án phí dân sự sơ thẩm là 310.300 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng đối với các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện CLD;
- Cơ quan CA huyện CLD (CQTHAHS và CQCSĐT);
- Chi cục THADS huyện CLD;
- Phòng HSNVCA tỉnh Sóc Trăng;
- Sở TP tỉnh Sóc Trăng;
- Người bào chữa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Ngọc Thanh